

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Tầng 4, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Phường Cửa Nam, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Quý 1 năm 2026

Hà nội, Tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Tầng 4, toà nhà Hoàng Gia, 180 Triệu Việt Vương, Phường Cửa Nam, Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN DU LỊCH NINH VÂN BAY
Quý 1 năm 2026

Hà nội, Tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2026
ngày 31 tháng 03 năm 2026

| | Thuyết minh | Mã số | 31 Tháng Ba 2026 | 31 Tháng Mười Hai 2025 |
|--|-------------|-------|------------------|------------------------|
| Tài sản ngắn hạn | | 100 | 37.434.061.954 | 16.975.123.880 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 5 | 110 | 31.314.227.052 | 6.909.889.446 |
| Tiền | | 111 | 5.314.227.052 | 6.909.889.446 |
| Các khoản tương đương tiền | | 112 | 26.000.000.000 | - |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 120 | 5.100.000.000 | 9.000.000.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn | | 123 | 5.100.000.000 | 9.000.000.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | | 130 | 24.252.999 | 15.548.999 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 132 | 744.343.000 | 744.343.000 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 135 | 5.182.715.552 | 5.174.011.552 |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 7 | 136 | (5.902.805.553) | (5.902.805.553) |
| Tài sản ngắn hạn khác | | 160 | 995.581.903 | 1.049.685.435 |
| Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn | | 161 | 4.993.172 | 8.177.261 |
| Thuế GTGT được khấu trừ | | 162 | 990.588.731 | 1.041.508.174 |
| Tài sản dài hạn | | 200 | 742.722.613.154 | 743.109.138.917 |
| Tài sản cố định | | 220 | 762.851.335 | 1.153.545.431 |
| Tài sản cố định hữu hình | 8 | 221 | 762.851.335 | 1.153.545.431 |
| Nguyên giá | | 222 | 2.887.034.582 | 4.196.143.673 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | 223 | (2.124.183.247) | (3.042.598.242) |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 9 | 260 | 741.951.890.000 | 741.951.890.000 |
| Đầu tư vào công ty con | | 261 | 741.951.890.000 | 741.951.890.000 |
| Tài sản dài hạn khác | | 270 | 7.871.819 | 3.703.486 |
| Chi phí chờ phân bổ dài hạn | | 271 | 7.871.819 | 3.703.486 |
| Tổng tài sản | | 280 | 780.156.675.108 | 760.084.262.797 |

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2026 (tiếp theo)
ngày 31 tháng 03 năm 2026

| NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Mã số | 31 Tháng Ba 2026 | 31 Tháng Mười Hai 2025 |
|--|-------------|------------|------------------------|------------------------|
| Nợ phải trả | | 300 | 293.613.766.704 | 293.848.240.454 |
| Nợ ngắn hạn | | 310 | 27.081.300.038 | 27.405.773.788 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn | 10 | 314 | 539.956.373 | 380.054.737 |
| Phải trả người lao động | | 315 | 159.062.843 | 571.732.750 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 11 | 316 | 2.382.280.822 | 2.453.986.301 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 12 | 321 | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| Nợ dài hạn | | 330 | 266.532.466.666 | 266.442.466.666 |
| Phải trả dài hạn khác | 13 | 338 | 69.690.000.000 | 69.690.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 12 | 339 | 196.842.466.666 | 196.752.466.666 |
| Vốn chủ sở hữu | 14 | 400 | 486.542.908.404 | 466.236.022.343 |
| Vốn góp của chủ sở hữu | | 411 | 905.000.000.000 | 905.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 411a | 905.000.000.000 | 905.000.000.000 |
| Thặng dư vốn | | 412 | 24.455.000.000 | 24.455.000.000 |
| Lỗi lũy kế | | 420 | (442.912.091.596) | (463.218.977.657) |
| - Lỗi lũy kế đến cuối năm trước | | 420a | (463.218.977.657) | (485.659.975.829) |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | | 420b | 20.306.886.061 | 22.440.998.172 |
| Tổng nguồn vốn | | 440 | 780.156.675.108 | 760.084.262.797 |

Lê Thị Thúy An
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 04 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ 1 NĂM 2026

| | Thuyết minh | Mã số | Quý | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|---|-------------|-------|------------------------|------------------------|--------------------------------|------------------------|
| | | | Quý 1/2026 | Quý 1/2025 | Năm 2026 | Năm 2025 |
| | | | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 01 | - | - | - | - |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | | 02 | - | - | - | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 10 | - | - | - | - |
| Giá vốn hàng bán | | 11 | - | - | - | - |
| Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 20 | - | - | - | - |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 15 | 22 | 25.720.602.347 | 7.724.373.825 | 25.720.602.347 | 7.724.373.825 |
| Chi phí tài chính | 16 | 23 | (4.950.493.151) | (5.439.698.631) | (4.950.493.151) | (5.439.698.631) |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i> | | 24 | <i>(4.860.493.151)</i> | <i>(5.349.698.631)</i> | <i>(4.860.493.151)</i> | <i>(5.349.698.631)</i> |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 17 | 26 | (775.691.807) | (521.104.094) | (775.691.807) | (521.104.094) |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 30 | 19.994.417.389 | 1.763.571.100 | 19.994.417.389 | 1.763.571.100 |
| Thu nhập khác | | 31 | 326.359.581 | 180.000.000 | 326.359.581 | 180.000.000 |
| Chi phí khác | | 32 | (13.890.909) | (123.373.944) | (13.890.909) | (123.373.944) |
| Lợi nhuận khác | | 40 | 312.468.672 | 56.626.056 | 312.468.672 | 56.626.056 |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 50 | 20.306.886.061 | 1.820.197.156 | 20.306.886.061 | 1.820.197.156 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 51 | - | - | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 60 | 20.306.886.061 | 1.820.197.156 | 20.306.886.061 | 1.820.197.156 |



Lê Thị Thúy An
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 04 năm 2026



10205
CÔNG
CỔ P
ĐỘNG S
INH V
TRU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

| | Thuyết minh | Mã số | Lũy kế 3 tháng đầu năm 2026 | Lũy kế 3 tháng đầu năm 2025 |
|--|-------------|-------|-----------------------------|-----------------------------|
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | | 01 | 20.306.886.061 | 1.820.197.156 |
| <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i> | | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | | 02 | 98.871.859 | 128.403.525 |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư, tài chính | | 05 | (26.046.961.928) | (7.724.373.825) |
| Chi phí đi vay | | 06 | 4.860.493.151 | 5.349.698.631 |
| Lợi nhuận (lỗ) hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | | | |
| | | 08 | (780.710.857) | (426.074.513) |
| (Tăng) các khoản phải thu | | 09 | 42.215.443 | (47.206.600) |
| (Giảm) các khoản phải trả | | 11 | (287.086.453) | (251.166.985) |
| (Tăng)/giảm chi phí chờ phân bổ | | 12 | (984.244) | 5.580.444 |
| Chi phí đi vay đã trả | | 14 | (4.869.698.630) | (5.468.580.822) |
| Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh | | | | |
| | | 20 | (5.896.264.741) | (6.187.448.476) |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | | 22 | 680.000.000 | - |
| Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | 23 | (5.100.000.000) | - |
| Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 24 | 9.000.000.000 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 27 | 25.720.602.347 | 7.650.000.000 |
| Lưu chuyển tiền thuần tạo ra từ hoạt động đầu tư | | | | |
| | | 30 | 30.300.602.347 | 7.650.000.000 |
| Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | | | | |
| | | 50 | 24.404.337.606 | 1.462.551.524 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 5 | 60 | 6.909.889.446 | 8.307.277.427 |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 5 | 70 | 31.314.227.052 | 9.769.828.951 |

Thủy An

Lê Thị Thủy An
 Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 29 tháng 04 năm 2026

1947
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 BẤT ĐỘNG SẢN
 DU LỊCH
 NINH VÂN BAY
 NG -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
cho kỳ kế toán kết thúc này 31 tháng 03 năm 2026

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102051941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 ngày 24 tháng 07 năm 2025 để thay đổi người đại diện theo pháp luật và địa chỉ Công ty.

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, số cổ phiếu đang được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ chưa sử dụng hoặc đi thuê và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 4, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có 4 công ty con:

| <i>STT</i> | <i>Tên công ty</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ biểu quyết</i> | <i>Địa chỉ trụ sở chính</i> | <i>Hoạt động chính</i> |
|------------|---|----------------------|-------------------------|--|---|
| 1 | Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải | 51,00% | 51,00% | Thôn Văn Đăng, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. | Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành. |
| 2 | Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương | 99,51% | 99,51% | Tầng 6, tòa nhà Tasco, lô HH 2-2, đường Phạm Hùng, phường Yên Hòa, Hà Nội, Việt Nam. | Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. |
| 3 | Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt | 62,10% | 62,41% | Đường 706B, đồi cát bay, Khu phố 5, Phường Mũi Né, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. | Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành. |
| 4 | Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An | 56,47% | 56,75% | Khu biệt thự Ana Mandara Dalat, số 10 đường Lê Lai, phường Cam Ly – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam. | Kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành. |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

đã chuyển giao cho Công ty mẹ. Việc hợp nhất báo cáo tài chính chấm dứt kể từ khi Công ty mẹ mất quyền kiểm soát công ty con.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Trong báo cáo tài chính riêng, kết quả kinh doanh của công ty con được ghi nhận khi Công ty nhận được cổ tức từ công ty con và ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

4.4 Phải thu của khách hàng và phải thu khác

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì nguyên giá ban đầu được tính bằng cách lấy tổng các chi phí liên quan trực tiếp tới việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng trừ đi giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Nguyên giá TSCĐ hình thành qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, với thời gian khấu hao như sau:

| | Năm |
|---------------------|-------|
| Phương tiện vận tải | 7 - 8 |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 7 |

4.6 Thuê hoạt động

Việc thuê tài sản trong đó phần lớn tất cả các lợi ích và rủi ro của quyền sở hữu tài sản vẫn thuộc về bên cho thuê được ghi nhận là khoản thuê hoạt động. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

4.7 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí chờ phân bổ chủ yếu các chi phí phần mềm và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

4.8 Nợ phải trả và chi phí trích trước

Khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận trên cơ sở số tiền phải thanh toán trong tương lai liên quan đến các tài sản và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hay chưa nhận được hóa đơn.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí vay bao gồm lãi suất và các chi phí liên quan khác và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí vay để mua sắm tài sản cố định trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt (kể cả khi thời gian xây dựng và lắp đặt dưới 12 tháng) thì được ghi nhận vào nguyên giá của tài sản đó.

4.10 Các khoản dự phòng nợ phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ đó tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

4.11 Lợi ích nhân viên

Công ty tham gia quỹ phúc lợi với mức đóng góp xác định bắt buộc của Chính phủ Việt Nam theo các quy định pháp luật hiện hành về lao động, việc làm và các lĩnh vực liên quan, được quản lý bởi Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thông qua các cơ quan Bảo hiểm Xã hội địa phương. Các khoản phúc lợi bắt buộc này bao gồm bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Tại cơ quan bảo hiểm xã hội địa phương, Công ty chi trả phần nghĩa vụ của mình về các khoản phúc lợi bắt buộc này và thay mặt đối tượng tham gia các khoản phúc lợi bắt buộc thanh toán phần nghĩa vụ thuộc về họ.

Đối tượng tham gia, phương thức tính toán, kê khai và chi trả các nghĩa vụ liên quan đến các khoản phúc lợi bắt buộc được thực hiện cho từng giai đoạn cụ thể căn cứ các quy định hiện hành có liên quan. Công ty không có nghĩa vụ chi trả đối quỹ phúc lợi hưu trí dành cho nhân viên.

Công ty không tham gia bất kỳ quỹ phúc lợi với mức phúc lợi xác định.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn cổ phần

Vốn cổ phần thể hiện giá trị danh nghĩa của các cổ phiếu đã phát hành.

010
CÔ
CÔ
ĐỘN
INH
TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**Thặng dư vốn**

Thặng dư nhận được từ việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn. Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được khấu trừ khỏi phần thặng dư, cân trừ với bất kỳ khoản trợ cấp thuế thu nhập nào.

Lỗi lũy kế

Lỗi lũy kế sau thuế phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập lũy kế của Công ty tại thời điểm báo cáo.

4.13 Doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của phần vốn góp, cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở theo tỉ lệ thời gian sử dụng phương pháp lãi suất thực tế.

4.14 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Nghĩa vụ/Tài sản về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm các nghĩa vụ, các khoản phải thu thuế đối với cơ quan thuế liên quan đến giai đoạn báo cáo hiện tại và các giai đoạn trước mà vẫn chưa thanh toán tại ngày cuối giai đoạn báo cáo. Nghĩa vụ về thuế thu nhập hiện hành được tính trên cơ sở thuế suất và quy định về thuế áp dụng cho giai đoạn báo cáo dựa trên mức lợi nhuận chịu thuế trong năm. Toàn bộ thay đổi về nghĩa vụ hay tài sản thuế hiện tại được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp nghĩa vụ thuế trên các khoản chênh lệch tạm thời. Phương pháp này so sánh giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trên báo cáo tình hình tài chính với các cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản và công nợ đó. Ngoài ra, các khoản lỗ có thể mang sang năm kế tiếp cũng như các khoản thuế thu nhập phải trả khác được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Nợ thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả luôn được ghi nhận đầy đủ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có thể được sử dụng bởi lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

Tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được tính, không chiết khấu, bằng thuế suất dự kiến áp dụng cho giai đoạn ghi nhận tương ứng, với điều kiện những tài sản và nợ thuế thu nhập này được thực hiện hoặc được thực hiện chắc chắn tại ngày báo cáo tình hình tài chính. Hầu hết những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như một phần của chi phí thuế trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chỉ những thay đổi của tài sản và nợ thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

thay đổi giá trị những tài sản và nợ mà được tính trực tiếp vào nguồn vốn thì mới được ghi thẳng vào nguồn vốn.

4.15 Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế đặc trưng (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chủ yếu của công ty theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư vào các công ty có hoạt động kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Đồng thời, hoạt động đầu tư của Công ty chỉ được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

4.16 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, công ty mẹ, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể, đối với bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu một sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể.

4.17 Các sự kiện tiềm tàng

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi dẫn đến suy giảm lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

4.18 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình riêng của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được công bố trên thuyết minh nếu trọng yếu.

4.19 Phân loại tài sản và nợ phải trả thành ngắn hạn hoặc dài hạn

Tài sản và nợ phải trả được phân loại thành ngắn hạn hoặc dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính theo kỳ hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả đó tại ngày của báo cáo tình hình tài chính, ngoại trừ cách thức phân loại đặc thù và/hoặc đã được định trước trong Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.20 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31 tháng 03 năm 2026 VNĐ | 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ |
|---------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền | | |
| Tiền mặt | 55.279.037 | 66.779.037 |
| Tiền gửi không kỳ hạn | 5.258.948.015 | 6.843.110.409 |
| | 5.314.227.052 | 6.909.889.446 |
| Tương đương tiền | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng | 26.000.000.000 | - |
| | 31.314.227.052 | 6.909.889.446 |

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31 tháng 03 năm 2026 VNĐ | 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ |
|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Phải thu bên thứ ba | | |
| Phải thu về chi phí thanh toán hộ | 5.158.462.551 | 5.158.462.551 |
| Phải thu khác | 24.253.001 | 15.549.001 |
| | 5.182.715.552 | 5.174.011.552 |

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | | 31 tháng 12 năm 2025 | | |
|--|----------------------|----------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------------------|----------------------|
| | Giá gốc VNĐ | Giá trị có thể thu hồi VNĐ | Dự phòng VNĐ | Giá gốc VNĐ | Giá trị có thể thu hồi VNĐ | Dự phòng VNĐ |
| Phải thu khác | | | | | | |
| Công ty TNHH Cầu lạc bộ Kỹ nghệ Ninh Vân Bay | 2.468.734.718 | - | 2.468.734.718 | 2.468.734.718 | - | 2.468.734.718 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Thạch Hưng | 2.689.727.835 | - | 2.689.727.835 | 2.689.727.835 | - | 2.689.727.835 |
| | 5.158.462.553 | - | 5.158.462.553 | 5.158.462.553 | - | 5.158.462.553 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | | | | | |
| Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế BIM Sài Gòn | 744.343.000 | - | 744.343.000 | 744.343.000 | - | 744.343.000 |
| | 5.902.805.553 | - | 5.902.805.553 | 5.902.805.553 | - | 5.902.805.553 |

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Phương tiện vận tải VNĐ | Thiết bị văn phòng VNĐ | Tổng VNĐ |
|------------------------|----------------------------|---------------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | |
| 1 tháng 1 năm 2026 | 3.534.109.091 | 662.034.582 | 4.196.143.673 |
| Thanh lý | (1.309.109.091) | - | (1.309.109.091) |
| 31 tháng 03 năm 2026 | 2.225.000.000 | 662.034.582 | 2.887.034.582 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| 1 tháng 1 năm 2026 | (2.416.732.591) | (625.865.651) | (3.042.598.242) |
| Khấu hao trong kỳ | (93.100.838) | (5.771.021) | (98.871.859) |
| Thanh lý | 1.017.286.854 | - | 1.017.286.854 |
| 31 tháng 03 năm 2026 | (1.492.546.575) | (631.636.672) | (2.124.183.247) |
| Giá trị còn lại | | | |
| 1 tháng 1 năm 2026 | 1.117.376.500 | 36.168.931 | 1.153.545.431 |
| 31 tháng 03 năm 2026 | 732.453.425 | 30.397.910 | 762.851.335 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

9. Các khoản đầu tư tài chính

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | 31 tháng 12 năm 2025 | |
|--------------------------------------|----------------------|------------------|----------------------|------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ sở hữu | Tỷ lệ biểu quyết |
| | % | % | % | % |
| <i>Đầu tư vào công ty con</i> | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương | 99,51% | 99,51% | 99,51% | 99,51% |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải | 51,00% | 51,00% | 51,00% | 51,00% |

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư thực góp như sau:

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | 31 tháng 12 năm 2025 | |
|--------------------------------------|----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| <i>Đầu tư vào công ty con</i> | | | | |
| Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương | 437.500.000.000 | - | 437.500.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải | 304.451.890.000 | - | 304.451.890.000 | - |
| | 741.951.890.000 | - | 741.951.890.000 | - |

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

| | 31 tháng 03 năm 2026 | Trong kỳ | | 31 tháng 12 năm 2025 |
|-----------------------|----------------------|-------------|----------------|----------------------|
| | Số tiền | Phải nộp | Đã nộp/Cán trừ | Số tiền |
| | VNĐ | VNĐ | VNĐ | VNĐ |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 61.818.182 | (61.818.182) | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 539.956.373 | 242.143.901 | (82.242.265) | 380.054.737 |
| | 539.956.373 | 303.962.083 | (144.060.447) | 380.054.737 |

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31 tháng 03 năm 2026 | 31 tháng 12 năm 2025 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Lãi vay trái phiếu phải trả | 2.319.780.822 | 2.328.986.301 |
| Chi phí phải trả khác | 62.500.000 | 125.000.000 |
| | 2.382.280.822 | 2.453.986.301 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

12. Vay và nợ thuê tài chính

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | Trong kỳ | | 31 tháng 12 năm 2025 | |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------|-------------|------------------------|---------------------------------|
| | Số dư VNĐ | khả năng trả nợ VNĐ | Tăng VNĐ | Giảm VNĐ | Số dư VNĐ | Số có khả năng trả nợ VNĐ |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | | | | |
| Trái phiếu phát hành (*) | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 | - | - | 24.000.000.000 | 24.000.000.000 |
| Vay dài hạn | | | | | | |
| Vay các cá nhân khác | 54.700.000.000 | 54.700.000.000 | - | - | 54.700.000.000 | 54.700.000.000 |
| Trái phiếu phát hành (*) | 142.142.466.666 | 142.142.466.666 | 90.000.000 | - | 142.052.466.666 | 142.052.466.666 |
| Tổng | 196.842.466.666 | 196.842.466.666 | 90.000.000 | - | 196.752.466.666 | 196.752.466.666 |
| | 220.842.466.666 | 220.842.466.666 | 90.000.000 | - | 220.752.466.666 | 220.752.466.666 |

Chi tiết về thông tin của các khoản vay như sau:

| Khoản vay | Đối tượng cho vay/Trái chủ | Hợp đồng | Số dư tại 31.03.2026 (VNĐ) | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất/năm | Hình thức đảm bảo |
|-----------|--|----------------------|--|--|--|--|
| (*) | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội | 49.21-002513797.HDDM | Mệnh giá trái phiếu 168.000.000.000 Chi phí phát hành trái phiếu: (1.857.533.334) | Trái phiếu đáo hạn vào ngày 18 tháng 5 năm 2031. Tiền gốc được thanh toán theo lộ trình hàng năm cho tới khi đáo hạn. Lãi trái phiếu được thanh toán theo từng quý kể từ ngày phát hành trái phiếu | 9,5% cho 4 kì đầu tiên và lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ hạn trên 12 tháng + biên độ 3,5%/năm cho các kì tiếp theo | Trái phiếu được đảm bảo bởi toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại 2 công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Đã Hương và Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

13. Phải trả khác

| Dài hạn | 31 tháng 03 năm 2026 | 31 tháng 12 năm 2025 |
|------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả dài hạn | 69.690.000.000 | 69.690.000.000 |
| | 69.690.000.000 | 69.690.000.000 |

14. Vốn chủ sở hữu

14.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn | Lỗi lũy kế | Tổng |
|--------------------------------|---------------------------|----------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư tại 1 tháng 1 năm 2025 | 905.000.000.000 | 24.455.000.000 | (485.659.975.829) | 443.795.024.171 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 1.820.197.156 | 1.820.197.156 |
| Số dư tại 31 tháng 03 năm 2025 | 905.000.000.000 | 24.455.000.000 | (483.839.778.673) | 445.615.221.327 |
| Số dư tại 1 tháng 1 năm 2026 | 905.000.000.000 | 24.455.000.000 | (463.218.977.657) | 466.236.022.343 |
| Lợi nhuận trong kỳ | - | - | 20.306.886.061 | 20.306.886.061 |
| Số dư tại 31 tháng 03 năm 2026 | 905.000.000.000 | 24.455.000.000 | (442.912.091.596) | 486.542.908.404 |

14.2 Cổ phiếu

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | 31 tháng 12 năm 2025 | |
|--|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 90.500.000 | 905.000.000.000 | 90.500.000 | 905.000.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 90.500.000 | 905.000.000.000 | 90.500.000 | 905.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 90.500.000 | 905.000.000.000 | 90.500.000 | 905.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 90.500.000 | 905.000.000.000 | 90.500.000 | 905.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 90.500.000 | 905.000.000.000 | 90.500.000 | 905.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - | - | - |

14.3 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | | 31 tháng 12 năm 2025 | | |
|------------------------|------------------------|------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------|---------------------------|
| | Tổng số VND | Cổ phiếu phổ thông VND | Cổ phiếu ưu đãi VND | Tổng số VND | Cổ phiếu phổ thông VND | Cổ phiếu ưu đãi VND |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 905.000.000.000 | 905.000.000.000 | - | 905.000.000.000 | 905.000.000.000 | - |
| Thặng dư vốn | 24.455.000.000 | 24.455.000.000 | - | 24.455.000.000 | 24.455.000.000 | - |
| | 929.455.000.000 | 929.455.000.000 | - | 929.455.000.000 | 929.455.000.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chi tiết cổ đông của Công ty:

| | 31 tháng 03 năm 2026 | | 31 tháng 12 năm 2025 | |
|------------------------------|------------------------|--------------|------------------------|--------------|
| | VNĐ | Tỷ lệ sở hữu | VNĐ | Tỷ lệ sở hữu |
| Công ty Cổ phần NVT Holdings | 852.527.200.000 | 94,201% | 852.527.200.000 | 94,201% |
| Các đối tượng khác | 52.472.800.000 | 5,799% | 52.472.800.000 | 5,799% |
| | 905.000.000.000 | 100% | 905.000.000.000 | 100% |

15. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Quý 1/2026 VNĐ | Quý 1/2025 VNĐ |
|------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Thu nhập từ cổ tức được chia | 25.500.000.000 | 7.650.000.000 |
| Lãi tiền gửi | 220.602.347 | 74.373.825 |
| | 25.720.602.347 | 7.724.373.825 |

16. Chi phí tài chính

| | Quý 1/2026 VNĐ | Quý 1/2025 VNĐ |
|------------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi tiền vay | 4.860.493.151 | 5.349.698.631 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 90.000.000 | 90.000.000 |
| | 4.950.493.151 | 5.439.698.631 |

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Quý 1/2026 VNĐ | Quý 1/2025 VNĐ |
|---------------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nhân công | 610.752.568 | 442.610.000 |
| Chi phí khấu hao | 98.871.859 | 8.029.581 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 66.067.380 | 70.464.513 |
| | 775.691.807 | 521.104.094 |

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

19. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty trong kỳ như sau:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|-----|---|-----------------------------------|
| 1 | Công ty Cổ phần NVT Holdings | Công ty mẹ |
| 2 | Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải | Công ty con |
| 3 | Công ty TNHH Đầu tư Du lịch Dã Hương | Công ty con |
| 4 | Công ty Cổ phần Khách sạn và Du lịch Bảo Việt | Công ty con |
| 5 | Công ty Cổ phần Phát triển Du lịch Tân An | Công ty con |
| 6 | Công ty TNHH Tasco Land | Nhà đầu tư của Công ty mẹ |
| 7 | Ông Vũ Hoàng Linh | Chủ tịch HĐQT |
| 8 | Bà Đặng Thùy Linh | Thành viên HĐQT |
| 9 | Ông Trịnh Nguyên Khánh | Thành viên HĐQT |
| 10 | Ông Vũ Ngọc Tú | Thành viên HĐQT |
| 11 | Ông Đỗ Quang Hải | Thành viên HĐQT |
| 12 | Bà Nguyễn Minh Hiếu | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 13 | Ông Bùi Ngọc Sơn | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 14 | Bà Bùi Hải Yến | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 15 | Ông Đỗ Quang Hải | Tổng Giám đốc |

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

| Các bên liên quan | Bản chất giao dịch | Quý 1/2026 | Quý 1/2025 |
|----------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------|
| Công ty Cổ Phần Du lịch Hồng Hải | Cổ tức tạm chia Nhận cổ tức kỳ này | 25.500.000.000 (25.500.000.000) | 7.650.000.000 (7.650.000.000) |

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty không có số dư với các bên liên quan.

20. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được Ban Giám đốc phê duyệt để phát hành.

Lê Thị Thúy An
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Đỗ Quang Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 29 tháng 04 năm 2026

